

QUY ĐỊNH VỀ THỜI HẠN ÁP DỤNG VÀ THỦ TỤC XEM XÉT LẠI THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thực tiễn chống bán phá giá trong thương mại quốc tế cho thấy, trong số các biện pháp chống bán phá giá đề cập trên đây, thuế chống bán phá giá là biện pháp được áp dụng nhiều nhất và phổ biến nhất. Trong khi đó, biện pháp tạm thời chưa phải là một biện pháp chống bán phá giá chính thức và cam kết chỉ được sử dụng trong một tỷ lệ rất nhỏ các vụ kiện chống bán phá giá. Nên sự quan tâm về thời hạn áp dụng và thủ tục xem xét lại thuế chống bán phá giá theo luật pháp của WTO, Hoa Kỳ, và EU.

1. Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá

Thuế chống bán phá giá là biện pháp cuối cùng và có hiệu lực ngay kể từ khi được ban hành. Mục tiêu, nhiệm vụ và cũng là tính chính đáng của thuế chống bán phá giá là loại bỏ được thiệt hại mà hàng hóa bán phá giá gây ra hoặc có thể gây ra cho ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu. Điều này có nghĩa là, thuế chống bán phá giá bao giờ cũng có tính thời hạn và những phân tích về mục tiêu của thuế chống bán phá giá trên đây chính là lập luận nền tảng xác định thời hạn thuế chống bán phá giá. Trên cơ sở lập luận này, WTO quy định thuế chống bán phá giá không được có thời hạn áp dụng dài quá 5 năm kể từ khi có hiệu lực hoặc từ khi có lần rà soát gần nhất kể cả về khía cạnh bán phá giá và khía cạnh thiệt hại. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa rằng, mọi khoản thuế chống bán phá giá đều phải chấm dứt hiệu lực sau thời hạn 5 năm. Trước khi hết thời hạn đó, cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu phải tiến hành rà soát lại toàn bộ việc bán phá giá. Nếu kết luận cho thấy hiện tượng bán phá giá vẫn còn có thể được tiếp tục gây thiệt hại thì thuế chống bán phá giá vẫn có thể được tiếp tục áp dụng (Điều 11.3, ADA năm 1994). Pháp luật của Hoa Kỳ và EU đều quy định tương tự như vậy trong pháp luật của mình (Điều 1675©, USC 19; Điều 11.2, Quy Định EC 384/96 đã được sửa đổi, bổ sung).

Về nguyên tắc, thuế chống bán phá giá chỉ có hiệu lực đối với hàng hóa nhập khẩu sau thời điểm quyết định áp thuế được ban hành. Tuy nhiên chỉ sau khi trải qua một quá trình điều tra kỹ càng về việc bán phá giá và thiệt hại gây ra thì mới có thể ban hành quyết định áp thuế chống bán phá giá. Điều đó cũng có nghĩa là hoàn toàn có thể xảy ra trường hợp hàng hóa đã bán phá giá và đã gây thiệt hại từ trước khi có quyết định áp thuế chống bán phá giá. Nếu chỉ áp thuế vào thời điểm sau khi nó được ban hành thì sẽ không khắc phục được thiệt hại mà bản thân sản phẩm bán phá giá gây trong thời gian trước đó. Cả pháp luật của WTO, Hoa kỳ và EU đều

thống nhất ở điểm này. Chính vì vậy, cả ba hệ thống pháp luật này đều cho tăng trong những trường hợp nhất định có thể cho phép quyết định áp thuế chống bán phá giá có hiệu lực hồi tố theo một trong hai cách thức sau đây (Điều 10, ADA năm 1994, Điều 1673e, USC 19; Điều 10, Quy định EC 384/96 đã được sửa đổi, bổ sung)

Cách thứ nhất: hồi tố đối với giai đoạn áp dụng biện pháp tạm thời như đã phân tích ở phần trên, biện pháp tạm thời có thể được đưa ra dưới dạng một mức thuế bán phá giá tạm thời. Nhà nhập khẩu chưa phải đóng ngay mức này mà chỉ cần căn cứ vào đó nộp một khoản tiền đặt cọc cho nước nhập khẩu. Tuy vậy, sau khi mức thuế bán phá giá chính thức được ban hành, nhà nhập khẩu có thể sẽ phải trả thuế chống bán phá giá cho cả giai đoạn áp dụng biện pháp tạm thời nếu như một trong hai trường hợp xảy ra:

Trường hợp thứ nhất: khi kết luận điều tra cuối cùng cho thấy thiệt hại đáng kể (material injury)

Trường hợp thứ hai: khi kết luận điều tra cuối cùng khẳng định có đe dọa gây thiệt hại (threat of injury) và cơ quan điều tra chứng tỏ được rằng nếu như không hiện thực hóa biện pháp tạm thời thì việc bán phá sẽ gây ra thiệt hại.

Khi có thuế chống bán phá giá có hiệu lực hồi tố tới giai đoạn áp dụng biện pháp tạm thời thì mức thuế chống bán phá giá lúc này sẽ không phải luôn luôn là mức thuế dự tính trong biện pháp tạm thời. Nếu như mức thuế chính thức là mức thuế dự tính trong biện pháp tạm thời, nếu mức thuế dự tính thấp hơn mức thuế chính thức được áp dụng; nếu ngược lại, mức thuế tạm thời sẽ được áp dụng (Điều 10.3, ADA năm 1994; Điều 1673e, USC 19; Điều 10, Quy định EC 384/96 đã được sửa đổi, bổ sung).

Cách thứ hai: hồi tố đối với khoảng thời gian tính từ 90 ngày trước khi áp dụng biện pháp tạm thời cho tới khi có quyết định chính thức về thuế chống bán phá giá. Cách tính thuế hồi tố này chỉ áp dụng trong những trường hợp rất hãn hữu khi đã có tiền sử bán phá giá hoặc sản phẩm bán phá giá được nhập khẩu một cách ồ ạt trong thời gian ngắn có thể làm giảm đi tác dụng loại trừ thiệt hại của thuế chống bán phá giá sẽ áp dụng.

Pháp luật của Hoa Kỳ và EU về vấn đề hồi tố áp dụng thuế chống bán phá giá hầu như không có khác biệt đáng kể nào với quy định của ADA năm 1994.

2. Thủ tục xem xét lại thuế chống bán phá giá

Pháp luật của WTO, Hoa Kỳ và EU đều quy định mức thuế chống bán phá giá có thể bị xem xét lại qua ba thủ tục được tiến hành ở nước nhập khẩu, đó là khiếu kiện tư pháp (judicial review), rà soát hành chính giữa kỳ (interim review), và rà soát cuối kỳ (expiry review). Ngoài ba loại thủ tục xem xét lại mức thuế chống bán phá giá nói riêng và về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá nói chung của nước nhập khẩu còn có thể bị khiếu kiện và được giải quyết theo cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO

2.1. Khiếu kiện tư pháp

Khiếu kiện tư pháp là loại thủ tục xem xét lại quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu ngay sau khi quyết định được đưa ra. Vấn đề có thể bị khiếu kiện tư pháp không chỉ bị giới hạn trong phạm vi thuế chống bán phá giá và các biện pháp chống bán phá giá mà còn có thể là các quyết định hành chính khác của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết một vụ chống bán phá giá. Các bên có lợi ích liên quan tới vụ kiện chống bán phá giá như các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu và cả doanh nghiệp trong ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu... đều có quyền khiếu nại tư pháp khi họ không thỏa mãn với quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

WTO quy định mọi quốc gia thành viên đều phải quy định trong pháp luật quốc nội các thủ tục hoặc các thiết chế nhất định để thực hiện việc xem xét lại các quyết định cuối cùng về chống bán phá giá khi các bên liên quan thực hiện quyền khiếu nại tư pháp của mình. Tùy điều kiện mà các quốc gia có thể lựa chọn một trong các mô hình sau đây (câu 1, điều 13, ADA năm 1994) (1) Thủ tục và thiết chế tư pháp; (2) Thủ tục và thiết chế tài phán hành chính; (3) Thủ tục khiếu nại hành chính.

Theo quy định của WTO, cho dù thuộc mô hình nào tại các thiết chế giải quyết các điều kiện chống bán phá giá trên đây cũng phải độc lập với cơ quan có quyết định về chống bán phá giá bị khiếu nại (câu 2, điều 13, ADA năm 1994). Đây được xem là tiêu chí bất di bất dịch, bởi nó bảo đảm cho việc giải quyết khiếu kiện đó một cách khách quan và công bằng.

Ở Hoa Kỳ, bất cứ bên liên quan nào cũng có quyền khiếu nại các quyết định hành chính của DOC và ITC. Việc khiếu kiện này phải được thực hiện trong 30 ngày kể từ ngày quyết định bị kiện đó được đăng trên công báo.

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện các quyết định hành chính về chống bán phá giá của Hoa Kỳ là tòa án thương mại quốc tế Hoa Kỳ (*the united states of international trade- CIT*). Tòa án này hoạt động giống như một tòa án hành chính chứ không phải là một tòa án tư pháp. Khi nhận được một đơn khiếu kiện quyết định hành chính về chống bán phá giá, Tòa án sẽ tiến hành xét xử dựa trên hồ sơ bên nộp chứ không tổ chức xét xử bằng lời nói như thủ tục xét xử thông thường. Khi xét xử, CIT chỉ xem liệu quyết định bị khiếu kiện có được ban hành trên cơ sở “các chứng cứ quan trọng” và có “tuân thủ pháp luật hay không”, nghĩa là chỉ xem xét đến các vấn đề pháp lý chứ không phải xem xét lại nội dung vụ việc.

Phán quyết của Tòa án sơ thẩm châu Âu có thể là giữ nguyên hoặc hủy bỏ quyết định bị kiện. Các bên không hài lòng với quyết định này có thể kháng án theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án Công lý Châu Âu (*the Euroup Court of Justice – ECJ*). Phán quyết của Tòa án Công lý Châu Âu là chung thẩm.

2.2. Rà soát hành chính giữa kỳ (*interim review*)

Rà soát hành chính giữa kỳ là biện pháp xem xét lại thuế chống bán phá giá đã được áp đặt với sản phẩm bị kiện bán phá giá. Về bản chất, đây là một thủ tục hành chính do các cơ quan hành chính có thẩm quyền chống bán phá giá của nước nhập khẩu tự thực hiện.

Theo quy định của WTO, biện pháp chống bán phá giá chỉ được phép sử dụng và có hiệu lực chừng nào nó còn cần thiết để loại trừ bán phá giá gây thiệt hại (Điều 11.1ADA năm 1994). Chính vì vậy, rà soát hành chính giữa kỳ được cơ quan có thẩm quyền thực hiện sau một khoảng thời gian nhất định đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá và với mục tiêu xác định xem lúc này việc bán phá giá gây thiệt hại đã được loại trừ hay chưa. Hai biện pháp chống bán phá giá có thể được tiến hành rà soát giữa kỳ là thuế chống bán phá giá và cam kết về giá. Biện pháp tạm thời không thuộc diện rà soát giữa kỳ.

Rà soát hành chính giữa kỳ được tiến hành trên cơ sở đề xuất của các bên liên quan. Có hai vấn đề cụ thể mà bên yêu cầu rà soát có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu xem xét và trả lời.

Thứ nhất, việc tiếp tục áp dụng biện pháp đó còn có cần thiết để loại trừ thực tiễn bán phá giá có liên quan nữa không.

Thứ hai, nếu như thay đổi biện pháp chống bán phá giá (bao gồm cả việc Thay đổi mức thuế chống bán phá giá) hoặc dỡ bỏ biện pháp chống bán phá giá thì liệu thiệt hại có còn xảy ra nữa không (Điều 13,ADA năm 1994).

Nếu qua quá trình rà soát, cơ quan có thẩm quyền thấy rằng việc áp dụng chống bán phá giá hoặc cam kết về giá là không cần thiết thì biện pháp chống bán phá giá tương ứng phải được dỡ bỏ ngay lập tức.

Ở Hoa Kỳ, rà soát giữa kỳ được gọi là "rà soát do thay đổi hoàn cảnh. Việc rà soát này do ITC tiến hành vào sau 24 tháng kể từ khi ban hành lệnh áp thuế chống bán phá giá và theo yêu cầu rà soát của các bên, trong đó, có nêu những lý lẽ chứng minh tình hình liên quan tới việc chống bán phá giá và hàng hóa đã có sự thay đổi cần thiết phải được rà soát. Nếu những lý lẽ này thuyết phục được ITC thì cơ quan này sẽ tiến hành việc rà soát. Nội dung rà soát và những vấn đề rà soát cơ bản giống với các quy định của WTO.

Trên thực tế, rà soát do thay đổi hoàn cảnh là một thủ tục không quá quan trọng đối với các bên liên quan tới vụ kiện chống bán phá giá tại Hoa Kỳ. Lý do là vì do phương pháp chống bán phá giá của Hoa Kỳ như trình bày trên đây, nước này áp dụng biện pháp tính thuế trên cơ sở thực tiễn chống bán phá giá trong thời gian áp thuế. Việc tính thuế sau này được tiến hành theo yêu cầu của các bên liên quan, thường là nhà xuất khẩu bị đánh thuế bán phá giá theo một trình tự gọi tắt là biện pháp rà soát định kỳ hay rà soát hành chính. Khi tiến hành rà soát định kỳ, DOC sẽ tiến hành xác định giá trị thông thường, giá trị xuất khẩu và biên độ phá giá thực tế của sản phẩm đã nhập khẩu bán phá giá trong giai đoạn bị áp thuế, qua đó, DOC quyết định mức thuế chống bán phá giá phù hợp cho giai đoạn đó.

Chính thủ tục rà soát định kỳ này chứ không phải là thủ tục rà soát giữa kỳ mới được quan tâm nhiều hơn. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, khi tiến hành rà soát định kỳ thì DOC sẽ không xem xét tới việc liệu có tiếp tục áp dụng thuế chống bán phá giá hay dỡ bỏ thuế chống bán phá giá hay không. Cơ quan này chỉ đơn giản thực hiện một công đoạn tính toán mức thuế chống bán phá giá cho đúng với thực tế chống bán phá giá mà thôi.

Đối với EU, việc tiến hành rà soát giữa kỳ là một việc hết sức quan trọng đối với nhà nhập khẩu bị đánh thuế chống bán phá giá ở thị trường này bởi EU áp dụng cách tính thuế chống bán phá giá theo cách thức tín trước, tức là ấn định một mức thuế áp dụng từ trước và áp dụng đối với tất cả các lô hàng nhập khẩu sau đó cho dù sản phẩm được bán với mức giá nào. Chính vì vậy, việc rà soát giữa kỳ là cơ hội quý giá cho các đối tượng doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu yêu cầu ủy ban châu Âu điều chỉnh mức thuế chống bán phá giá cho phù hợp với thực tế thương mại của mình.

Theo quy định của EU, rà soát giữa kỳ có thể được tiến hành theo yêu cầu của các doanh nghiệp có liên quan hoặc do ủy ban Châu Âu nếu cần thiết phải tiến hành. Trong mọi trường hợp, rà soát giữa kỳ chỉ có thể thực hiện sau ít nhất một năm kể từ thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá. EU yêu cầu doanh nghiệp đề nghị rà soát phải đưa ra được bằng chứng thuyết phục cho thấy việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá thì thiệt hại vẫn sẽ không xảy ra. Hoặc các doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất nội địa của EU cũng có thể sử dụng rà soát giữa kỳ để như một cơ hội tăng thêm mức thuế chống bán phá giá nếu như họ chứng minh được thuế chống bán phá giá hiện tại không đủ để loại trừ việc bán phá giá gây hại.

Khi nhận được đơn rà soát giữa kỳ, ủy ban châu Âu sẽ tiến hành điều tra tương tự như khi điều tra ban đầu. Kết luận của Ủy ban Châu Âu sau khi kết thúc điều tra sẽ được trình lên hội đồng châu Âu để đưa ra một trong ba loại quyết định (1) Hủy bỏ biện pháp chống bán phá giá; (2) giữ nguyên biện pháp chống bán phá giá; (3) Sửa đổi biện pháp chống bán phá giá, mà thường là sửa đổi mức thuế chống bán phá giá.

2.3. Rà soát cuối kỳ (expiry review) hay còn gọi là rà soát hoàng hôn (sunset review)

Rà soát cuối kỳ là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét lại biện pháp chống bán phá giá trước khi biện pháp chống bán phá giá này hết hiệu lực để xác định xem có tiếp tục áp dụng biện pháp chống bán phá giá đó nữa hay không. WTO quy định về rà soát cuối cùng như sau:

“bất kỳ thuế chống bán phá giá hoặc cam kết về giá nào cũng phải bị hết hiệu lực vào ngày không muộn hơn 5 năm kể từ khi được áp dụng, trừ khi cơ quan có thẩm quyền quyết định..., rằng việc chấm dứt áp dụng thuế chống bán phá giá hoặc cam kết về giá có thể dẫn tới sự tồn tại tiếp tục của tình trạng bán phá giá và thiệt hại do nó gây ra” (Điều 11.3, ADA năm 1994).

Như vậy, sau tối đa 5 năm kể từ khi áp dụng, coi như việc bán phá giá và thiệt hại đã được loại bỏ và do đó, biện pháp chống bán phá giá, trước tiên là thuế chống bán phá giá sẽ đương nhiên hết hiệu lực. tuy nhiên, nếu qua rà soát trước thời điểm hết hiệu lực mà phát hiện rằng thực tế vẫn tồn tại bán phá giá hoặc nếu chấm dứt hiệu lực của biện pháp chống bán phá giá thì hiện tượng bán Phá giá vẫn tiếp tục tái diễn, khi đó biện pháp chống bán phá giá vẫn được duy trì. Như vậy, rà soát cuối kỳ luôn được tiến hành với một giả định rằng thực tiễn bán phá giá và tác động gây hại của thực tiễn đó đã chấm dứt và do đó biện pháp chống bán phá giá phải được

chấm dứt trừ khi thực tế rà soát chứng minh điều ngược lại, vì vậy, rà soát cuối kỳ chỉ có thể được tiến hành nếu như có đề nghị của ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu, bên “nạn nhân” của thực tiễn chống bán phá giá. Bên cạnh đó, bản thân cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu cũng có thể tự mình quyết định tiến hành, rà soát cuối kỳ. Tuy nhiên, đây không là trường hợp phổ biến và trong mọi trường hợp, rà soát cuối kỳ không bao giờ được xem là một thủ tục tự động mỗi khi một biện pháp chống bán phá giá sắp đến hồi hết hiệu lực.

Vấn đề này, pháp luật Hoa Kỳ có sự khác biệt đáng kể so với WTO. Thể hiện ở chỗ:

Theo pháp luật Hoa Kỳ, 5 năm sau **khí** áp dụng biện pháp chống bán phá giá ITC và DOC “*phải tiến hành rà soát để quyết định...liệu việc dỡ bỏ thuế chống bán phá giá và thiệt hại đáng kể hay không.*” (Điều 1675(c), USC 19)

Thủ tục rà soát cuối kỳ ở Hoa Kỳ được xem như một thủ tục tự động mà DOC và ITC phải tiến hành mỗi khi sắp tới hạn chấm dứt hiệu lực của thuế chống bán phá giá. Tinh thần áp dụng biện pháp rà soát cuối kỳ này ở Hoa Kỳ thể hiện tính bảo hộ rất cao. Có lẽ vì thế mà thuật ngữ “rà soát hàng hóa” được sử dụng như tên gọi thứ hai của thủ tục rà soát cuối kỳ đã xuất phát từ đất nước này. Giống như ý nghĩ của từ “hoàng hôn” thể hiện sự kết thúc của một ngày cũ để mở ra một ngày mới, rà soát hoàng hôn được thực hiện để rồi mở ra một chu kỳ áp dụng thuế chống bán phá giá mới vậy. cũng lưu ý là, các cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ chưa bao giờ sử dụng thuật ngữ “rà soát cuối kỳ” (expiry review) trong các tài liệu chính thức. thay vào đó, họ sử dụng thuật ngữ “rà soát 5 năm” (five year review)

Quy trình tiến hành rà soát hoàng hôn của Hoa Kỳ cũng có thể đem lại nhiều bất lợi cho nhà xuất khẩu vào thị trường này. 30 ngày trước ngày hết thời hạn 5 năm của thuế chống bán phá giá mà Hoa Kỳ áp dụng thuế chống bán phá giá (mà pháp luật Hoa Kỳ gọi là: “ngày ghi nhận 5 năm áp dụng thuế chống bán phá giá”), DOC sẽ thông báo trên công báo Liên bang về việc sắp đến hạn 5 năm và sẽ tiến hành rà soát hoàng hôn. Cùng với thông báo là yêu cầu các bên có liên quan phải cung cấp quan điểm của mình về việc có tham gia thủ tục rà soát hay không, nên để hay bỏ thuế chống bán phá giá và tác động của nó cũng như các thông tin cần thiết khác do DOC hay ITC yêu cầu (Điều 1675(c)(2), USC 19). (Điều 1675(c)(3), USC 19). Trong vòng một tháng đó, nếu các bên liên quan không hồi âm hoặc hồi âm với thông tin không đầy đủ như yêu cầu thì DOC và ITC vẫn tiến hành rà soát hoàng hôn dựa trên các thông tin mà họ có sẵn (Điều 1675(c)(3), USC 19). Có thể

nói thời gian 30 ngày là quá ngắn để các bên liên quan đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, chuẩn bị hồ sơ và các thông tin đầy đủ như yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. doanh nghiệp cũng không thể chuẩn bị từ trước. bởi vì pháp luật của Hoa Kỳ đã quy định rõ ràng là có những thông tin chỉ đến khi phía Hoa Kỳ đưa ra trong thông báo 30 ngày trước thời hạn 5 năm mới được công bố (Điều 1675(c)(2)©, USC 19)

Sau thủ tục rà soát hoàng hôn, nếu một trong hai cơ quan là DOC và ITC ra kết luận phủ định tức là việc chấm dứt thuế chống bán phá giá không làm tái xuất hiện việc bán phá giá và thiệt hại thì DOC ra quyết định rút lại (chấm dứt hiệu lực) lệnh áp đặt thuế chống bán phá giá vẫn được duy trì thêm 5 năm nữa. ví dụ như vụ Hoa Kỳ kiện chống bán phá giá đối với sản phẩm cá tra, cá basa của Việt Nam bắt đầu từ năm 2002. Ngày 15-6-2009, theo thủ tục rà soát cuối kỳ, ITC đã bỏ phiếu quyết định tiếp tục áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng cá tra, cá basa của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ thêm 5 năm nữa với mức thuế từ 36,84% - 63,88%¹. Theo ITC, việc hủy bỏ việc áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng cá tra và cá basa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này có thể tiếp tục hoặc tái diễn việc bán phá giá và gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa Hoa Kỳ (!).

Pháp luật EU sử dụng thuật ngữ “rà soát cuối kỳ” thay cho “rà soát hoàng hôn” để thể hiện bản chất của hình thức rà soát hành chính này một cách chuẩn xác hơn. Thủ tục rà soát cuối kỳ cũng không được xem như một thủ tục tự động mà chỉ có thể được tiến hành khi có đề nghị của ngành sản xuất nội địa của EU hoặc bản thân Ủy ban châu Âu thấy cần thiết phải tiến hành. Pháp luật EU quy định rằng, sau thời hạn 5 năm thì biện pháp chống bán phá giá sẽ đương nhiên hết hiệu lực trừ khi việc rà soát đưa tới quyết định rằng, việc hết hiệu lực có khả năng tiếp diễn tình trạng bán phá giá và thiệt hại (Điều 11.2, đoạn 1, Quy định EC 384/96 đã được sửa đổi bổ sung). Nếu khả năng bán phá giá vẫn tiếp tục xảy ra thì thời hạn áp thuế chống bán phá giá vẫn có thể tiếp tục được kéo dài, ví dụ, trong vụ kiện “Giày, mũ da” đối với Việt Nam. EU đã gia hạn thêm 15 tháng việc áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm này của Việt Nam kể từ thời điểm 31-12-2009.

EU cũng quy định thông báo về việc sắp hết thời hạn 5 năm phải được đăng trên Công báo của Cộng đồng châu Âu (*Official journal of the European Communities*) ít nhất ba tháng so với 30 ngày ở Hoa Kỳ, trước khi đến thời hạn 5 năm đó. EU yêu cầu trong khoảng thời gian này, ngành sản xuất nội địa tương ứng

của mình cũng phải nộp đề nghị rà soát cuối kỳ, nếu có, ít nhất ba tháng trước thời hạn trên. Như vậy là, thông báo về việc sắp đến thời hạn 5 năm phải được đăng sớm hơn rất nhiều, trên thực tế thường là 6 tháng trước khi đến thời hạn 5 năm. Điều này cho phép các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu có nhiều thời gian và điều kiện hơn để chuẩn bị cho hồ sơ phục vụ rà soát cuối kỳ của mình. Ngoài ra, EU còn quy định các nhà sản xuất, nhập khẩu, đại diện của nước xuất khẩu liên quan cũng như các nhà sản xuất nội địa phải được tạo cơ hội trình bày, bình luận và đưa ra ý kiến về các vấn đề được nêu trong yêu cầu rà soát cuối kỳ (Điều 11, Quy định EC 384/96 đã được sửa đổi, bổ sung)

Tất cả những phân tích trên đây, cho thấy doanh nghiệp xuất khẩu sẽ ở vào thế bất lợi rất lớn khi các cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ tiến hành thủ tục “rà soát hoàng hôn” của họ, những bất lợi đến đơn thuần từ những yêu cầu kỹ thuật vô lý, Hoa Kỳ cũng đã từng không dưới một lần bị chỉ trích vi phạm quy định của WTO vì khi tiến hành rà soát hoàng hôn họ luôn có cách tiếp cận thể hiện định kiến cho rằng nếu như dỡ bỏ thuế chống bán phá giá thì thế nào cũng xảy ra những vấn đề bán phá giá. Có lẽ đây là những lý do dẫn đến tình trạng tỷ lệ rà soát cuối kỳ dẫn đến việc kéo dài thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá của Hoa Kỳ cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ tương ứng ở EU thường gấp từ 1,5 đến 2 lần.

2.4. Khiếu kiện theo thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO

Về thực chất, cơ chế giải quyết tranh chấp về chống bán phá giá trong khuôn khổ của WTO chính là bản thân cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế nói chung của tổ chức này, trên cơ sở thỏa thuận về các quy tắc và thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp (DSU) được các nước thành viên thông qua cùng với Hiệp định Marrakech thành lập WTO.

WTO quy định hệ thống các cơ quan giải quyết tranh chấp từ cao đến thấp, bao gồm:

- *Cơ quan Giải quyết tranh chấp (Disputes Settlement Body – DSB)* đây là cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, DSB bao gồm đại diện của tất cả các quốc gia thành viên, vì vậy nên thực chất, DSB chính là Đại hội đồng WTO, cơ quan này giải quyết các tranh chấp trong WTO bằng cách thông qua các báo cáo về thực chất là các đề xuất giải quyết tranh chấp do Ban Hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm trình lên chứ không tự mình giải quyết tranh chấp về mặt nội dung. Các quyết định của DSB được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận ngược (*reverse consensus*). Theo nguyên tắc này thì, những đề xuất giải quyết vụ việc do cơ quan phúc thẩm hay

Ban Hội thẩm của WTO trình bày lên sẽ đương nhiên được thông qua trừ trường hợp tất cả các thành viên của DBS nhất trí không thông qua trừ trường hợp tất cả các thành viên của DBS nhất trí không thông qua những đề xuất đó. Nói tóm lại, thủ tục không thông qua và việc không thông qua chỉ có hiệu lực khi có sự nhất trí của tất cả các thành viên. Cũng chính vì vậy, nguyên tắc này còn có tên gọi khác là “đồng thuận phủ quyết” hay “đồng thuận chống lại” hay “đồng thuận nghịch” (*consensus against*). Việc áp dụng những nguyên tắc này làm cho các báo cáo của Cơ quan phúc thẩm hoặc Ban Hội thẩm trình lên DBS chắc chắn sẽ được thông qua. Điều đó cũng có nghĩa là chính cơ quan Phúc thẩm hoặc ban Hội thẩm của WTO mới thực sự là cơ quan đưa ra các **phán quyết** giải quyết tranh chấp về mặt nội dung. Với việc áp dụng nguyên tắc này, các phán quyết giải quyết tranh chấp của WTO được đưa ra một cách dễ dàng hơn nhiều so với trước đây, qua đó, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống luật lệ của tổ chức thương mại lớn nhất thế giới này.

- *Cơ quan Phúc thẩm (Appellate Body)*: thiết chế này gồm 7 thành viên do DBS bổ nhiệm. Đây cũng là một trong số các thiết chế thường trực của WTO. Thành viên của cơ quan này là những chuyên gia có kiến thức uyên thâm về pháp luật thương mại quốc tế và lung vực của WTO. mỗi thành viên được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 4 năm và chỉ có thể được bổ nhiệm lại một lần. Cơ quan này có thẩm quyền xem xét các khía cạnh pháp lý và giải thích pháp luật trong báo cáo của Ban Hội thẩm chứ không điều tra lại vụ việc hay chấp nhận thêm chứng cứ mới. Kết luận của cơ quan Phúc thẩm có thể là giữ nguyên, sửa đổi hoặc bãi bỏ kết luận của Ban Hội thẩm. Sau khi đã được thông qua bởi DBS, báo cáo của cơ quan Phúc thẩm không thể bị phản đối hay khiếu nại tiếp .

- *Ban hội thẩm (Panel)*: đây chính là cơ quan xét xử sơ thẩm các vụ khiếu kiện trong khuôn khổ WTO, trong đó có các vụ việc về chống bán phá giá. Ban hội thẩm do DSB thành lập riêng cho mỗi vụ kiện. Điều đó cũng có nghĩa rằng đây là cơ quan lâm thời được thành lập để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể theo điều khoản đi kèm với việc thành lập. Thành viên của Ban Hội thẩm gồm từ 3-5 người là những chuyên gia pháp luật giỏi đến từ khối Chính phủ hoặc tư nhân. Ví dụ trong vụ việc Việt Nam kiện Hoa Kỳ và WTO vào tháng 2 năm 2010, vì cách tính thuế chống bán phá giá hết sức vô lý trong các cuộc rà soát định kỳ theo luật pháp của Hoa Kỳ. đó chính là phương pháp “quy về 0” hay “zeroing” ngày 26/07-2010, cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO đã thành lập ban hội thẩm gồm có các thành viên ông Mohammad Saeed, tham tán phái đoàn thường trực của Pakistan tại WTO, bà Deborah Milstein, từ Bộ Công nghiệp, thương mại và Lao động Ixranen ,

và ông Iain Sandford, Giám đốc Tập đoàn thương mại quốc tế Oxtrâyliia. Ông Mohammad Saeed được chọn làm chủ tịch Ban Hội thẩm. Với tư cách là cơ quan xét xử, Ban Hội thẩm sẽ tiến hành điều tra và xét xử theo các thủ tục hết sức chặt chẽ của WTO. Kết quả công việc của Ban Hội thẩm sẽ là một báo cáo trong đó nêu lên nhận định của mình và đề xuất của việc. báo cáo này được gửi lên DSB thông qua thành phần quyết chính thức.

Các vấn đề có thể bị kiện theo thủ tục giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO chỉ có thể là:

- Các biện pháp chống bán phá giá bao gồm thuế chống bán phá giá, cam kết về giá hoặc biện pháp tạm thời, với điều kiện là biện pháp tạm thời có ảnh hưởng đáng kể với nền kinh tế nước xuất khẩu và quốc gia nguyên đơn cho rằng biện pháp này không tuân thủ các quy định của WTO về việc áp dụng biện pháp tạm thời

- Quy định của pháp luật các nước thành viên về chống bán phá giá mà quốc gia nguyên đơn cho rằng có vi phạm pháp luật WTO.

Khác biệt cơ bản giữa việc giải quyết khiếu kiện bán phá giá trong khuôn khổ WTO với các loại thủ tục mang tính quốc gia trên đây là ở chỗ tranh chấp đưa ra giải quyết ở WTO là tranh chấp giữa các quốc gia thành viên WTO vì vậy, chưa có các nước thành viên đại diện bởi Chính phủ của họ mới có quyền khởi kiện tại WTO. Tuy nhiên, lợi ích trực tiếp trong các vụ kiện chống bán phá giá thương là lợi ích của khối doanh nghiệp cả các doanh nghiệp thường tác động tới chính phủ nước mình để tiến hành việc khởi kiện. các quốc gia cũng thường tham gia trong vụ tranh chấp về chống bán phá giá tại WTO thông qua các đoàn đại diện và các doanh nghiệp hay ngành sản xuất, xuất khẩu có lợi ích trực tiếp có thể có đại diện của mình trong các thành phần của đoàn đại diện.

Tóm lại qua những nội dung được đề cập ở trên ta có thể đưa ra một số kết luận sau:

- Quy trình điều tra và áp dụng thuế chống bán phá giá theo pháp luật của WTO, Hoa Kỳ và EU đều phải trải qua các công đoạn như: điều tra, xác minh việc bán phá giá, xác định thiệt hại vật chất xảy ra đối với ngành sản xuất nội địa, mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố đó, xác định các biện pháp chống bán phá giá, rà soát thuế chống bán phá giá. Mỗi công đoạn đều có rất nhiều yêu cầu pháp lý và thực tiễn mang tính kỹ thuật cao đòi hỏi các bên phải luôn theo sát và bỏ rất nhiều công sức để tham gia vào các quá trình đó thì mới có thể bảo vệ được lợi ích của mình.

- Những phân tích về pháp luật Hoa Kỳ và EU về chống bán phá giá một lần nữa cho thấy rất rõ bản chất bảo hộ của pháp luật về chống bán phá giá khi bị kiện chống bán phá giá, doanh nghiệp xuất khẩu luôn bị đặt vào thế bất lợi hơn doanh nghiệp nội địa về mọi khía cạnh. Ngay cả những yêu cầu về mặt thủ tục, đòi hỏi kỹ thuật cao cũng luôn có xu hướng dành lợi thế cho doanh nghiệp nội địa. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu đến từ các thị trường của các nước đang phát triển cần đặc biệt lưu ý tới những yêu cầu khắt khe trong pháp luật về chống bán phá giá của Hoa Kỳ và EU để dự liệu và hạn chế được những rủi ro ở mức thấp nhất cho mình.

- Mặc dù về cơ bản được xây dựng phù hợp với pháp luật WTO song pháp luật Hoa Kỳ và EU vẫn có những nội dung nhất định trái với nội dung và tinh thần quy định của WTO. Ví dụ điển hình nhất là cách tính “quy về 0” trong việc xác định biên độ phá giá của hàng hóa. Theo tinh thần của WTO thì có thể nói là hầu như đã bị cấm hoàn toàn do nó không công bằng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Tuy nhiên, pháp luật của Hoa Kỳ vẫn còn sử dụng khá phổ biến cách thức này. Trên thực tế thì việc Hoa Kỳ sử dụng phương pháp này đã bị nhiều nước khởi kiện và đã thắng kiện đối với Hoa Kỳ.

- Pháp luật của Hoa Kỳ và EU về chống bán phá giá, tuy có cùng tính chất bảo hộ các ngành sản xuất nội địa, song pháp luật của Hoa Kỳ mang tính chất bảo hộ nặng nề hơn nhiều. Pháp luật của EU tuy cũng mang tính chất bảo hộ và có nhiều quy định phức tạp về mặt kỹ thuật nhưng nhìn chung được áp dụng một cách linh hoạt hơn và có nhiều yếu tố mà các doanh nghiệp xuất khẩu có thể sử dụng theo cách có lợi cho mình khi bị kiện bán phá giá. Ví dụ điển hình nhất là việc tính giá xuất khẩu hàng hóa đối với doanh nghiệp từ NME. Ngay cả trong trường hợp này thì cũng không có nghĩa là mọi doanh nghiệp đến từ nền kinh tế đó đều đương nhiên bị áp dụng quy chế NME. Doanh nghiệp hoàn toàn có thể vận dụng pháp luật của EU bằng cách chứng minh mình có đủ điều kiện để có thể được hưởng quy chế thị trường với tư cách cá nhân. Trong trường hợp, chỉ cần chứng minh được điều đó thôi cũng có thể giúp doanh nghiệp thoát khỏi chế tài bán phá giá nặng nề của EU)

Nếu pháp hiện thấy quyết định bị kiện không đủ căn cứ hoặc vi phạm pháp luật thì CIT có quyền bãi bỏ quyết định hành chính và chuyển vụ việc chống bán phá giá trở lại cho cơ quan hành chính có thẩm quyền xem xét và quyết định lại trên cơ sở tuân thủ phán quyết của tòa án. Phán quyết của CIT có hiệu quả ngay sau

khi được tuyên bố và có thể bị kiện lên Tòa Án Phúc thẩm hạt Liên bang (*the Court of Appeals*) để được xem xét lại.

Ở EU, các bên liên quan trong một vụ kiện chống bán phá giá có thể khiếu kiện quyết định hành chính của Ủy ban châu Âu và Hội đồng châu Âu lên tòa án sơ thẩm Châu Âu. Thời hiệu khởi hành là hai tháng kể từ khi quyết định đó được công khai.

Tòa án sơ thẩm châu Âu chỉ xem xét những vấn đề pháp lý của quyết định bị kiện mà không xem xét các vấn đề thuộc nội dung cụ thể của vụ việc.

Phán quyết của tòa án sơ thẩm Châu Âu có thể là giữ nguyên hoặc hủy bỏ quyết định bị kiện. Các bên không phải lòng với quyết định này có thể kháng án theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa Án công lý Châu Âu (ECJ). Phán quyết của tòa án châu Âu là chung thẩm.



TTBD ĐBDC